

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ngọc Canh;

2. Ông Trương Thanh Phong;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HN.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa:*
Phan Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm A, phường B, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm A, phường B, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm C, phường D, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Vào năm 2012, sau khi tìm hiểu nhau, chị và anh Nguyễn Thanh T đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thị xã HN (nay là phường E, thành phố HN), tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống vợ chồng lúc ban đầu rất hạnh phúc, đã có 01 con chung vào năm

2013. Nhưng khoảng 01 năm trở lại đây thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không lo làm ăn mà chỉ đi chơi, chị có khuyên ngăn, nhưng anh T không thay đổi. Mặc dù hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà, nhưng chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài và tình cảm vợ chồng không còn, nên:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/2013, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với chị, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung do chị có khả năng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:* Anh thống nhất theo trình bày của chị M về quá trình tìm hiểu và kết hôn giữa anh với chị M. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và đã có 01 con chung, nhưng đến thời điểm này thì cuộc sống không hạnh phúc nữa do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh cũng cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng chị M vẫn kiên quyết ly hôn, nên:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Anh và chị M chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/2013. Nay ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người làm chứng chị Nguyễn Kim T trình bày:* Chị là chủ cơ sở giữ trẻ Kim Khánh, địa chỉ ở Khóm C, phường D, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị M có đến giữ trẻ tại cơ sở của chị và được trả lương mỗi tháng là 4.700.000 đồng, chị M đã làm ổn định được 03 tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Thanh T; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị M, giao cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/2013 (hiện đang sống chung nhà với chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh T), điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thanh T. Anh Nguyễn Thanh T

không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; Về tài sản chung, do chị M và anh T tự thỏa T không yêu cầu giải quyết và về nợ chung của vợ chồng không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh T đều thừa nhận: Anh chị kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân có tìm hiểu trước. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung, nhưng gần 01 năm nay thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hay cự cãi nhau. Xét thấy, tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh chị thống nhất T tình ly hôn nhau. Xét thấy việc T tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận,

- Về con chung: Chị M và anh T chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/2013 (hiện đang sống chung nhà với chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh T). Nay ly hôn chị M và anh T đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh T và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:

"2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả T được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con "

Đồng thời theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Nghĩa vụ chứng minh:

"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp

.....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Căn cứ quy định trên và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thanh T thì nếu cha, mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với chị M, đồng thời chị M hiện có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định. Theo trình bày của chị Nguyễn Kim T là chủ cơ sở giữ trẻ Kim Khánh thì mức lương hiện nay của chị M là 4.700.000 đồng, trong khi anh T không có chứng cứ gì chứng minh về điều kiện kinh tế để được trực tiếp nuôi con.

Để đảm bảo tốt về mọi mặt và sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của M về việc được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T là có căn cứ nên chấp nhận, giao cháu Nguyễn Thị Thanh T cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M tự nguyện không yêu cầu, anh T có quyền đến thăm nom con chung, chị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T của anh Nguyễn Thanh T.

- Về tài sản chung: Chị M và anh T cam kết tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không có ý định tẩu tán tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M và anh T đều thừa nhận vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008817 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: Về hôn nhân: Công nhận sự T tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Thanh T; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị M, giao cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/2013 (hiện đang sống chung nhà với chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh T), điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thanh T. Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; Về tài sản chung, do chị M và anh T tự thỏa T không yêu cầu giải quyết và về nợ chung của vợ chồng không có nên không xem xét giải quyết. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị M.

Chị Nguyễn Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/2013 (hiện đang sống chung nhà với chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh T). Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị M không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008817 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2021).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống